

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/7/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Hải Anh**

2. Ông **Trương Văn Sắc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lại Thị Hồng D**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh A.

- Bị đơn: Ông **Lê Thanh Đ**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, tỉnh A.

(Bà D có mặt tại phiên tòa, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lại Thị Hồng D trình bày:**

Bà Lại Thị Hồng D và ông Lê Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, tỉnh A ngày 24/7/2025. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Lê Thanh KN,

sinh ngày 18/9/2025. Tuy nhiên về sau có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà không còn tiếng nói chung. Mặc dù bà D đã nhiều lần cố gắng giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn phát sinh, song vẫn không thể hàn gắn được nên bà D và ông Đ đã ly thân từ tháng 12 năm 2025. Đồng thời từ sau khi ly thân đến nay ông Đ không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nhận thấy những mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh Đ;

- Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thanh KN, sinh ngày 18/9/2025 và yêu cầu ông Lê Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Thanh Đ:** Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Lê Thanh Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

*** Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2026 đối với Ban lãnh đạo ấp TH, xã TĐ, tỉnh A:**

Ban lãnh đạo ấp TH, xã TĐ, tỉnh A xác nhận ông Lê Thanh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TH, xã TĐ, tỉnh A và hiện nay vẫn có mặt tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không rõ vì các đương sự không trình báo chính quyền địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Lại Thị Hồng D ly hôn với ông Lê Thanh Đ, giao con chung là cháu Lê Thanh KN, sinh ngày 18/9/2025 cho bà Lại Thị Hồng D chăm sóc nuôi dưỡng và buộc ông Lê Thanh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu KN đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà

Lại Thị Hồng D không yêu cầu xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lại Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với ông Lê Thanh Đ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, bị đơn ông Lê Thanh Đ có nơi cư trú tại ấp TH, xã TĐ, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ông Lê Thanh Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lại Thị Hồng D, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị Hồng D và ông Lê Thanh Đ chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, tỉnh A; do đó quan hệ hôn nhân của bà Lại Thị Hồng D và ông Lê Thanh Đ là hợp pháp.

Theo bà Lại Thị Hồng D trình bày trong thời gian chung sống bà D và ông Đ sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp nên ông bà đã ly thân từ tháng 12 năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa, bà Lại Thị Hồng D xác định hiện nay không còn tình cảm với ông Lê Thanh Đ và kiên quyết xin ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lại Thị Hồng D và ông Lê Thanh Đ không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lại Thị Hồng D đối với ông Lê Thanh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Lại Thị Hồng D xác định bà D và ông Đ có 01 con chung là cháu Lê Thanh KN, sinh ngày 18/9/2025 và bà D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu N.

Hội đồng xét xử xét: Từ sau khi ly thân đến nay bà D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu KN, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu KN cho bà D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của cháu và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét yêu cầu cấp dưỡng: Bà D là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: Cháu KN đang trong độ tuổi ăn học và phát triển nên cần các chi phí cho việc sinh hoạt chăm sóc cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu KN thì việc bà D yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con cần được xem xét ở mức phù hợp nhưng do không xác minh được thu nhập của ông Đ, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa và không thoả thuận được mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cũng đảm bảo mức sống tối thiểu cho cháu và cũng là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu KN đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lại Thị Hồng D xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà D và ông Đ. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lại Thị Hồng D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Thanh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị Hồng D.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lại Thị Hồng D được ly hôn với ông Lê Thanh Đ.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thanh KN, sinh ngày 18/9/2025 cho bà Lại Thị Hồng D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Lê Thanh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Thanh KN với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng lần đầu kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Các bên tiến hành giao nhận tiền cấp dưỡng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh A

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả dứt số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông Lê Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lại Thị Hồng D xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung

nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lại Thị Hồng D phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 304013 ngày 27/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh A. Ông Lê Thanh Đ phải nộp tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh